

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 02-6-2020

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tấn Lợi
Bà Trương Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2019/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình xin ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 01/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2020; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 07/TB-TA ngày 27 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Đ, sinh năm 1956

Bị đơn: Trần Văn N, sinh năm 1943

Cùng địa chỉ: Số 31, Khóm 5, Thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Hồ Thị Xuân H – Luật sư Văn phòng luật sư Xuân H – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng:

1. Chị Lê Thị T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 234C, khóm 4, thị trấn LV, huyện LV, Đồng Tháp.

2. Chị Trần Thị Hoài N, sinh năm 1977

3. Anh Trần Bảo G, sinh năm 1982.

4. Chị Trần Thị Bảo N, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Số 31, khóm 5, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

(Có mặt: Bà Đ, ông N, Luật sư H, chị T, anh G, chị N. Vắng mặt: Chị N không lý do).

Người kháng cáo: Ông Trần Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày:

Qua mai mối bà Đ và ông Trần Văn N về sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1972 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi vì ông N không lo phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên uống rượu rồi về nhà kiếm chuyện chửi mắng đánh đập bà Đ vô cớ, sống chung với nhau đã trên 40 năm nhưng không hạnh phúc, bà Đ và ông N đã sống ly thân nhau trên 15 năm, hiện tại tuy vẫn còn ở cùng một địa chỉ nhà nhưng ông N đã che thêm phía trước để ra sống riêng không ăn chung, ngủ chung, không ai quan tâm đến ai, ông N còn tác động các con chửi mắng bà Đ. Những lần bà Đ bị ông N đánh bà Đ có báo với chính quyền địa phương đến nhưng không biết có lập biên bản gì. Nay bà Lê Thị Đ không còn tình cảm nữa với ông N, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lê Thị Đ xin được ly hôn với ông Trần Văn N; Về con chung có 05 con chung tên Lê Thị T, sinh năm 1973, Trần Hồng Đ, sinh năm 1975, Trần Thị Hoài N, sinh năm 1977, Trần Bảo G, sinh năm 1982, Trần Thị Bảo N, sinh năm 1990, các con của bà Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn ông Trần Văn Nít trình bày:

Ông Trần Văn N với bà Lê Thị Đ sống chung với nhau từ năm 1972 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông N thừa nhận vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không ăn chung, ngủ chung, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai vợ chồng đã ly thân khoảng 15 năm nay, trước đây ông N cũng có uống rượu thường xuyên nhưng hiện tại đã giảm bớt. Hiện tại ông N không còn tình cảm đối với bà Đ nhưng vì vợ chồng đã lớn tuổi, nếu ly hôn bà Đ yêu cầu chia tài sản thì ông N và các con không có chỗ ở nên ông N không đồng ý ly hôn. Về con chung vợ chồng có 05 con chung tên Lê Thị T, sinh năm 1973, Trần Hồng Đ, sinh năm 1975, Trần Thị Hoài N, sinh năm 1977, Trần Bảo G, sinh năm 1982, Trần Thị Bảo N, sinh năm 1990, các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; Về tài sản và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại quyết định Bản án sơ thẩm số 52/2019/HNGĐ-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung đã tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Đ được ly hôn với ông Trần Văn N.
2. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí Tòa án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Trần Văn N có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm, không đồng ý quyết định cho ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo ông Trần Văn N trình bày: Ông vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Ông cho rằng sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau rất hòa thuận, êm ấm. Gần đây do lớn tuổi, thường hay tiểu đêm và thức giấc, ngoài ra bà Đ ăn chay còn ông thì ăn mặn nên ông có che tạm một tấm bạt trước nhà để thuận tiện nấu thức ăn, đi lại và tránh làm bà Đ thức giấc ảnh hưởng đến sức khỏe. Tuy nhiên, đến tháng 7/2019, do nghe lời xúi giục bên ngoài nên bà Đ yêu cầu ly hôn với ông. Hiện tại, ông vẫn còn tình cảm và không muốn ly hôn với bà Đ. Việc bà Đ cho rằng ông uống rượu, cờ bạc và đánh vợ là hoàn toàn không có. Trong suốt quá trình chung sống ông rất thương và luôn nhường nhịn bà, việc này các

con và những người hàng xóm đều biết. Hiện tại, các con chung đã trưởng thành và có gia đình. Vì vậy, mọi việc trong gia đình vợ chồng phải tự chăm sóc và lo lắng cho nhau lúc tuổi già; Hơn nữa 47 năm chung sống, ông luôn làm tròn trách nhiệm làm chồng làm cha, luôn quan tâm, lo lắng chăm sóc tốt cho vợ con. Nay ông không đồng ý ly hôn, yêu cầu được hủ hỉ, sống an vui bên bà Đ trong những năm cuối đời.

Ý kiến của luật sư Hồ Thị Xuân H:

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ là không có căn cứ, không căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm đã xem xét đầy đủ các chứng cứ do ông N cung cấp, ông N là người hiền lành, không có bạo lực gia đình như bà Đ trình bày. Các con của bà Đ, ông N như chị T, anh G, chị N đều trình bày mong muốn cha mẹ tiếp tục sống chung, chỉ có chị N đứng về phía bà Đ. Điều này phù hợp với phong tục tập quán, đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N.

Bà Lê Thị Đ trình bày: Sau khi cưới, bà và ông N chung sống hơn 40 năm không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi vì ông N có người phụ nữ khác, không phụ giúp phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên uống rượu, cờ bạc và có hành vi đánh đập bà Đ vô cớ. Những lần bà Đ bị ông N đánh bà Đ có báo với chính quyền địa phương đến nhưng không biết có lập biên bản gì. Nay, không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông N, để lòng thanh thản, mạnh ai nấy sống.

Chị Lê Thị T, anh Trần Bảo G và chị Trần Thị Bảo N là con chung của ông N và bà Đ thống nhất trình bày: Các anh chị xác định trong quá trình chung sống, ông N rất thương và quan tâm, lo lắng cho bà Đ. Tháng 7/2019, nghe lời xúi giục bên ngoài nên bà Đ yêu cầu ly hôn. Việc bà Đ cho rằng ông N thường xuyên uống rượu, cờ bạc, không phụ giúp công việc trong nhà và đánh đập bà Đ là hoàn toàn không có. Ông luôn thương và nhường nhịn bà Đ, là một người chồng một người cha tốt, mọi gánh nặng mọi sự vất vả ông đều tự gánh vác lo toan. Nay, với tư cách là con chung thì chị T, anh G và chị N rất mong muốn ông N và bà Đ tiếp tục sống chung, nương tựa, chăm sóc nhau trong lúc tuổi già.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ

luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án. Đối với các đương sự, từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và chấp hành đúng nội quy phiên tòa quy định tại Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung yêu cầu kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2]. Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên hợp lệ. Xét việc việc bà Đ yêu cầu ly hôn, ông N không đồng ý ly hôn:

[2.1]. Căn cứ vào lời trình bày của các bên xác định bà Lê Thị Đ và ông Trần Văn N chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1972 trước ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực, nên tuy không có đăng ký kết hôn nhưng được xem là hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Xét việc bà Đ cho rằng trong quá trình sống chung ông N không lo phát triển kinh tế gia đình, có người phụ nữ khác, thường xuyên uống rượu, cờ bạc, đánh đập bà. Tuy nhiên từ trước đến nay bà vẫn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà. Ngược lại, căn cứ vào lời trình bày của ông Nguyễn Thanh T và ông Phan Văn K là Công an thị trấn Lai Vung đều xác định ông N là người hiền lành chất phác, luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật ở địa phương; có lần bà Đ điện thoại báo Công an thị trấn, khi đến thì thấy cũng không có vấn đề mâu thuẫn gì trầm trọng giữa vợ chồng bà, chỉ là lời qua tiếng lại cự cãi. Ngoài ra, theo trình bày của ông Nguyễn Chí T là hàng xóm và cũng là người chạy máy gặt lúa thuê cho ông N xác định ông N là người hiền lành, lo làm ăn (thời gian khi chạy máy đi đồng thì đều có ông N đi cùng), luôn quan tâm lo lắng cho vợ con, gần đây có nghe ông N và bà Đ giận nhau nhưng hàng ngày đi chợ ngang vẫn thấy ông bà sống chung nhà; ông Nguyễn Mạnh C,

ông Võ Minh H và bà Bùi Thị C là hàng xóm của ông N bà Đ cũng đều xác định ông N là người hiền lành, không thấy ông có uống rượu hay đánh đập vợ con.

[2.3]. Mặc khác, việc bà Đ cho rằng do vợ chồng mâu thuẫn nên nấu ăn riêng, không ai quan tâm ai là không có cơ sở. Bởi lẽ tại phiên tòa phúc thẩm bà xác định rằng bà là người ăn chay trường, còn ông N ăn mặn và cơm thì vẫn nấu chung, do đó điều này chưa thể hiện được giữa ông bà có mâu thuẫn trầm trọng. Bên cạnh đó, bà Đ xác định toàn bộ tài chính của gia đình là do bà quản lý nên việc bà trình bày ông N thường xuyên cờ bạc gây nợ trong suốt mấy mươi năm chung sống là không hợp lý, và bà cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông N thường hay cờ bạc trong suốt quá trình sống chung.

[2.4]. Xét thấy lời trình bày của chị T, anh G và chị N là hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người hàng xóm nhà ông N, bà Đ.

[2.5]. Như vậy, không có cơ sở để xác định giữa ông N và bà Đ có mâu thuẫn trầm trọng. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của ông N.

[3]. Xét ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[5]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn N, sửa bản án sơ thẩm.

[6]. Do yêu cầu kháng cáo của ông N được chấp nhận nên ông N không phải chịu án phí hôn nhân phúc thẩm. Do ông đã được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên không xử lý tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn N.

2- Sửa Bản án sơ thẩm số 52/2019/HNGĐ-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Đ đối với ông Trần Văn N.

Các đương sự không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm và phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND huyện Lai Vung;
- Cục THADS tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TGD&NCTN(ML).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên đóng dấu)

Lê Hồng Nước